

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2019

V/vụ án: "Ly hôn và
nuôi con chung"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**
- Hội thẩm nhân dân:
 - 1/ Ông **Dương Tấn Đầu** – Nơi công tác: Cán bộ hưu trí
 - 2/ Ông **Nguyễn Phước Lộc** – Nơi công tác: Giám đốc Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình huyện Phú Quốc.
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hồng Hà**- Thư ký Tòa án huyện Phú Quốc.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Ông **Hoàng Văn Thái** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2018, về vụ án: "**Ly hôn và nuôi con chung**" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-ST ngày 09/5/2019 và quyết định hoãn phiên Tòa số 26 ngày 28/5/2019, giữa các đương sự:

- * **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Hồng P**, sinh năm 1978
- * **Bị đơn:** Anh **Mai Văn T**, sinh năm 1982 (vắng mặt)
- * **Con chung:** **Mai Hồng A**, sinh ngày 13/02/2002
Mai Vi D, sinh ngày 04/12/2007

Cùng địa chỉ: Tổ 15, ấp R H, xã H N, huyện P Q, tỉnh K G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Hồng trình bày:

Năm 2001, chị Lê Thị Hồng P và anh Mai Văn T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được mấy năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T thay đổi tính tình, anh sống không có trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh T dùng những lời lẽ xúc phạm, nhục mạ chị P, chị không muốn gia đình đổ vỡ nên cố gắng chịu đựng để các con có đủ cả cha lẫn mẹ, nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, có lần chị P bị người hàng xóm đánh anh T không ra can ngăn mà chỉ đứng nhìn chị bị người ta đánh, từ đó chị nhận thấy giữa chị và anh T không còn tình thương với nhau nữa, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, nên cả hai thống nhất đến ấp giải quyết ly hôn do không hiểu biết pháp luật chị P nghĩ vợ chồng không đăng ký kết hôn thì chỉ ra ấp xác nhận là được và 03 mẹ con chị đã dọn ra thuê nhà trọ ở từ đầu năm 2018. Nay chị P không còn tình cảm với anh T, có cố gắng kéo dài thời gian thì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị P, anh T có với nhau 02 người con Mai Hồng A, sinh ngày 13/02/2002, Mai Vi D, sinh ngày 03/12/2007. Chị P nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Mai Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản hòa giải ngày 22/02/2019 anh T trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung đúng như lời chị P trình bày và anh T thống nhất ly hôn với chị P, nhưng về con chung anh T sẽ nhận nuôi cháu Mai Vi D, sinh ngày 04/12/2007 đến tuổi trưởng thành không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Mai Hồng A, sinh ngày 13/01/2002 do chị P nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Con chung cháu Mai Hồng A và cháu Mai Vi D trình bày tại bản tự khai và tại phiên Tòa: Hiện nay 02 cháu đang sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu được tiếp tục sống cùng với mẹ.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật; Đối với anh T là bị đơn trong vụ án, đã được tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất anh T vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa hôm nay không

có mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Mai Văn T là phù hợp với quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của chị Lê Thị Hồng P về việc xin ly hôn với anh Mai Văn T cũng được anh T đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng vì giữa anh T và chị P không có đăng ký kết hôn. Do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị P và anh T có 02 người con chung là cháu Mai Hồng A, sinh ngày 13/02/2002 và cháu Mai Vi D, sinh ngày 04/12/2007. Chị P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu A, cháu D đến tuổi trưởng thành, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Bản thân anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Mai Vi D đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên bản thân cháu A và cháu D có nguyện vọng được sống chung với chị P khi cha mẹ ly hôn; xét thực tế hiện nay cả 02 cháu đang sống với chị P, cuộc sống của 02 cháu đang ổn định không nên chia rẽ làm sáo trộn cuộc sống của các cháu; xét theo nguyện vọng của các cháu được sống với chị P là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu, đề nghị miễn xét.

Anh T có quyền thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị P và anh T không yêu cầu giải quyết, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Anh Mai Văn T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần hai nhưng anh T vẫn vắng không có mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử sơ thẩm thống nhất xét xử vắng mặt anh Mai Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng P và anh Mai Văn T tự nguyện yêu thương nhau và chung sống vợ chồng từ năm 2001. Hai người có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị P và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Mai Hồng A, sinh ngày 13/01/2002; cháu Mai Vi D, sinh ngày 04/12/2007 đến

tuổi trưởng thành, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Bản thân anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Mai Vi D đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên bản thân cháu A và cháu D đều có nguyện vọng được sống chung với chị P; xét thực tế hiện nay cả 02 cháu đang sống với chị P, cuộc sống của 02 cháu đang ổn định không nên chia rẽ làm sáo trộn cuộc sống của các cháu cũng để đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần, thể chất, trí tuệ của con chưa thành niên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Mai Hồng A và cháu Mai Vi D cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

Anh T có quyền thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con anh T, chị P có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX miễn xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28; 35; 147; 227; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 14; 53; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố chị Lê Thị Hồng P với anh Mai Văn T không phải là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Giao 02 người con chung Mai Hồng A, sinh ngày 13/01/2002, Mai Vi D, sinh ngày 04/12/2007, cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lê Thị Hồng P không yêu cầu, HĐXX không xét.

Anh T có quyền thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con anh T, chị P có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết HĐXX không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Lê Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, theo biên lai thu số 0008158 ngày 06/12/2018, nay chuyển thành án phí. Anh T không phải nộp án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, chị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ'
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Mẫu số 51
NQ số 01/2017/NQ-

HĐTP
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Phú Quốc, ngày 26 tháng 7 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 7 năm 2018

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

*** Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**
- Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lương Công Chủ** – Nơi công tác: Nguyên phó ban Tuyên giáo Huyện ủy - huyện Phú Quốc.

2/ Bà **Phạm Thị Kiểm** – Nơi công tác: Trường Tiểu học Dương Đông 1 huyện Phú Quốc.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân thụ lý số: 70/2018/TLST- HNGĐ ngày 24/01/2018 về vụ án “**Ly hôn và nuôi con chung**” giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Út**, sinh năm 1980

* **Bị đơn:** Anh **Phan Xuân Khuê**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

* **Con chung:** **Phan Thị Trúc Linh**, sinh ngày 03/11/2000 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Phan Xuân Thái, sinh ngày 20/4/2004

Phan Xuân Bình, sinh ngày 20/4/2004

Cùng địa chỉ: Tổ 9, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

Áp dụng các Điều 28; 35; Điều 179; 227; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố chị Nguyễn Thị Út với anh Phan Xuân Khuê không phải là vợ chồng. Hội đồng xét xử đã thống nhất ý kiến 3/3

2/ Về quan hệ con chung: Giao 03 con chung Phan Thị Trúc Linh, sinh ngày 03/11/2000, Phan Xuân Thái, sinh ngày 20/4/2004, Phan Xuân Bình, sinh ngày 20/4/2000 cho chị Nguyễn Thị Út tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Út không yêu cầu, HĐXX không xét.

Anh Khuê có quyền thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con anh Khuê, chị Út có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử đã thống nhất ý kiến 3/3.

3/ Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết HĐXX không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Út phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Út đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, theo biên lai thu số 0002880 ngày 19/01/2018, nay chuyển thành án phí. Anh Khuê không phải nộp án phí. Hội đồng xét xử đã thống nhất ý kiến 3/3

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, chị Út có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Anh Khuê có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nghị án kết thúc hồi 10 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 7 năm 2018.

Biên bản ghi án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

